| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN N**<br>**TỈNH NINH BÌNH**<br>---------- | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| SỐ: 162/2019/QĐST-HNGĐ | *N, Ngày 15 tháng 11 năm 2019* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 264/2019/TLST-HNGĐ ngày 10/10/2019 giữa:

Nguyên đơn: Anh Trần Quang Đ, sinh năm 1982.

Đơn vị công tác: Khoa N, Bệnh viện quân y 5, cục hậu cần, quân khu 3. Địa chỉ: Phường P, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Chỗ ở hiện nay: Khu tập thể Bệnh viện quân y 5. Địa chỉ: Phường P, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Như Q, sinh năm 1985.

Nơi đăng ký hộ khẩu: Thôn Đ, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Chỗ ở hiện nay: Khu tập thể Trường trung học cơ sở thị trấn N. Địa chỉ: Phố P, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: - Các điều 55, 81, 82, 83, 110 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình.

- Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 11 năm 2019.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 11 năm 2019 là

hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bẩy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Quang Đ và chị Nguyễn Thị Như Q.

**2.** Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*** Về con chung:** Chị Nguyễn Thị Như Q sẽ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Huyền T, sinh ngày 11/02/2012 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Anh Trần Quang Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/01tháng, kể từ tháng 11/2019.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày chị Q có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Đ không thi hành hết số tiền cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận thì hàng tháng anh Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

*** Về tài sản chung, công nợ chung:** Anh Đ, chị Q đã tự phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Về án phí ly hôn sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con chung:** Anh Trần Quang Đ nhận nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Án phí cấp dưỡng nuôi con chung anh Trần Quang Đ phải nộp là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Đ đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0000362 ngày 10/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

**THẨM PHÁN**

**(Đã ký)**

**ĐÀO THỊ HUỆ**

**Nơi nhận:**
- *TAND tỉnh NB;*
- *VKSND huyện N;*
- *THADS huyện N;*
- *UBND xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình;*
- *Đương sự;*
- *Lưu HS./.*